TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 241/2021/HS-ST

Ngày 29-12-2021

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Sơn Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Bé

2. Ông Nguyễn Ngọc Cảnh.

***Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Thanh Đức, Thư ký Toà án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Bà Hồ Thị Ngọc Ánh, Kiểm sát viên.

Trong ngày 29/12/2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 244/2021/TLST-HS ngày 23/11/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 269/2021/QĐXXST-HS ngày 15/12/2021 đối với bị cáo:

Doãn Văn N, sinh ngày 20/8/1988 tại tỉnh Hà Tĩnh; nơi cư trú: Thôn M, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Lái xe; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 9/12; con ông Doãn P và bà Phạm Thị K; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: Ngày 14/3/2019, Tòa án nhân dân thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh xử phạt 14 (mười bốn) tháng tù về tội "Trộm Cắp tài sản"; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 15/12/2018, Công an huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000 đồng về hành vi "Trộm cắp tài sản". Ngày 10/3/2021, Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 18 tháng; bị cáo bị bắt, tạm giam ngày 07/5/2021; bị cáo có mặt.

Bị hại: Bà Nguyễn Thị Như M (đã chết)

Người đại diện hợp pháp của bị hại: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1970

Địa chỉ: Số 20A Đường 652, Tổ 7, ấp B, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Công ty Cổ phần A

Địa chỉ: BT4E-11&12 đường P, phường P, quận L, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1985

Địa chỉ: T, T, Quảng Bình (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 12 giờ 40 phút ngày 16/12/2020, bị cáo Doãn Văn N điều khiển xe ô tô tải biển số 29H-378.14 lưu thông trên Tỉnh lộ T hướng Bình Dương đi Long An. Khi đến địa phận thuộc Ấp 5, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, xe của bị cáo N không giữ khoảng cách an toàn đã xảy ra va chạm với xe mô tô biển số 53Y5-2618 do bà Nguyễn Thị Như M điều khiển lưu thông phía trước cùng chiều làm bà M té ngã xuống đường, bánh sau bên phải xe ô tô biển số 29H-378.14 cán qua mạn sườn, hông phải làm bà M chết tại hiện trường.

Kết luận giám định số 422/C09B ngày 29/01/2021 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh xác định:

- Dấu vết trược xước, bám chất màu nâu mặt ngoài bên phải phía trước cản bảo hiểm trước xe ô tô biển số 29H-378.14 có chiều từ trước về sau phù hợp với dấu vết trượt xước, nứt vỡ, mất chất màu nâu mặt ngoài phía sau ốp nhựa đuôi xe mô tô biển số 53Y5-2618 có chiều từ sau về trước, xe mô tô biển số 53Y5-2618 va chạm với xe ô tô ở trạng thái thẳng đứng.

- Dấu vết trượt xước các chi tiết phía trước bên phải xe mô tô biển số 53Y5 2618 (đầu tay lái, kính chiếu hậu, để chân trước) có chiều từ trước về sau phù hợp va chạm với mặt đường.

Trên cơ sở cơ chế hình thành dấu vết và hồ sơ vụ tai nạn giao thông nêu trên, xác định:

- Khi va chạm, xe ô tô biển số 29H-378.14 lưu thông trên Tỉnh lộ T hướng từ Bình Dương đi Long An, xe mô tô biển số 53Y5-2618 lưu thông phía trước cùng chiều với xe ô tô biển số 29H-378.14.

- Không đủ cơ sở để xác định vị trí va chạm giữa 02 phương tiện chiếu xuống mặt đường nằm ở phần đường nào trên Tỉnh lộ T.

- Không phát hiện dấu vết va chạm giữa xe mô tô biển số 53Y5-2618 và xe ôtô biển số 29H-378.14 với phương tiện hoặc vật cản khác.

- Hiện trường vụ tai nạn giao thông trên không có dấu vết phanh nên không xác định được tốc độ của các phương tiện khi tham gia tai nạn giao thông thông qua dấu vết cơ học.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 1659/TT.20 ngày 11/01/2021 của Trung tâm pháp y, Sở y tế Thành phố Hồ Chí Minh, nạn nhân Nguyễn Thị Như M chết do đa chấn thương.

Phiếu kết quả xét nghiệm cho thấy Doãn Văn N dương tính với Methamphetamin.

Nguyên nhân gây tai nạn là do Doãn Văn N, có giấy phép lái xe số 310175045167 hạng C có giá trị đến ngày 21/11/2022, điều khiển xe ô tô biển số 29H-378.14 trong máu có chất ma túy, lưu thông không giữ khoảng cách an toàn với xe chạy liền trước nên xảy ra tai nạn làm xe va chạm vào đuôi xe mô tô biển số 53YS-2618 do bà Nguyễn Thị Như M lưu thông phía trước cùng chiều làm bà M té ngã vào

bánh sau bên phải xe ô tô biển số 29H-378.14 cán qua mạn sườn, hông phải cơ thể bà M dẫn đến tử vong. Hành vi của N vi phạm khoản 7 Điều 8, khoản 1 Điều 12 Luật giao thông đường bộ.

Về dân sự: Ông Nguyễn Văn D là chồng của bị hại yêu cầu bị cáo N bồi thường số tiền 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng.

Vật chứng vụ án: Xe ô tô tải biển số 29H-378.14, Cơ quan điều tra đã xử lý trả lại cho Công ty cổ phần A; xe mô tô biển số 53Y5-2618 do bà M đứng tên, đã xử lý giao trả lại cho ông Nguyễn Văn D.

Với nội dung trên, Cáo trạng số 243/CT-VKS.CC ngày 22/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Doãn Văn N về tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh giữ quyền công tố đã đưa ra chứng cứ để buộc tội bị cáo Doãn Văn N, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo N phạm tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ", áp dụng b khoản 2 Điều 260, điểm h khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo N từ 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng đến 04 (bốn) năm tù.

Về vật chứng của vụ án: Đã được Cơ quan điều tra xử lý xong.

Về phần dân sự: Đại diện bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 150.000.000 đồng, bị cáo đồng ý bồi thường nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận. Ngoài ra, đại diện bị hại còn yêu cầu bị cáo bồi thường tổn thất về tinh thần và cấp dưỡng nuôi 02 con của bị hại với số tiền 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng, nhưng chưa chứng minh được thiệt hại nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định.

Bị cáo N khai nhận hành vi như cáo trạng truy tố và không tham gia tranh luận với đại diện Viện kiểm sát. Bị cáo đồng ý bồi thường cho phía bị hại số tiền 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng. Riêng phần đại diện bị hại yêu cầu bồi thường với số tiền 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng phát sinh tại phiên tòa, bị cáo không có khả năng bồi thường.

Lời nói sau cùng: Bị cáo xin lỗi đến gia đình bị hại, bị cáo rất hối hận về hành vi của mình xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện hợp pháp của bị hại ông Nguyễn Văn D yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại số tiền 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng là chi phí điều trị, chi phí mai táng cho bà M. Đồng thời, ông D yêu cầu bị cáo phải bồi thường tổn thất về tinh thần và cấp dưỡng nuôi 02 con của bà M với số tiền 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng. Ông D đưa ra các chứng từ về việc bà M vay ngân hàng, chưa đưa ra các tài liệu về tổn thất tinh thần và mức cấp dưỡng nuôi con của bà M. Ông D đồng ý việc bị cáo bồi thường số tiền 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng chi phí điều trị, chi phí mai táng và đồng ý sẽ khởi kiện yêu cầu bị cáo bồi thường tổn thất về tinh thần và cấp dưỡng 02 con của bà M khi có tài liệu, chứng cứ để chứng minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Công ty Cổ phần A có đại diện theo ủy quyền là ông Phạm Văn T không tranh luận gì. Ông T trình bày là Công

ty sẽ tiến hành lập hồ sơ bảo hiểm về trách nhiệm dân sự để hỗ trợ cho bị cáo bồi thường cho bị hại sau khi có bản án của Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Củ Chi, của Điều tra viên; của Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo Doãn Văn N được thể hiện tại hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với lời khai của người làm chứng và vật chứng thu giữ. Vì vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định: Vào khoảng 12 giờ 40 phút ngày 16/02/2021, bị cáo N điều khiển xe ô tô tải biển số 29H-378.14, trong tình trạng sử dụng chất ma túy, lưu thông trên Tỉnh lộ T, thuộc đoạn Ấp 5, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, hướng từ Bình Dương đi Long An, bị cáo không giữ khoảng cách an toàn giữa xe ô tô bị cáo điều khiển với xe mô tô biển số 53Y5-2618 do bà Nguyễn Như Như Mai lưu thông phía trước dẫn đến va chạm vào đuôi xe của bà M, hậu quả làm bà M chết tại hiện trường. Hành vi nêu trên của bị cáo N đã cấu thành tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" theo Điều 260 của Bộ luật Hình sự.

[3] Bị cáo là người đã thành niên, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi điều khiển xe ô tô, trong tình trạng sử dụng chất ma túy không giữ khoảng cách an toàn với xe liền trước, gây thiệt hại về tính mạng của của bà M. Hành vi của bị cáo đã vi phạm khoản 7 Điều 8, khoản 1 Điều 12 Luật Giao thông đường bộ. Bị cáo phạm tội với lỗi vô ý do cẩu thả, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội với tính chất rất nghiêm trọng được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy, cần phải xử lý bằng luật hình sự và có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi của bị cáo đã thực hiện mới đủ tác dụng trừng trị, răn đe, giáo dục bị cáo và đấu tranh, phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[4] Tuy nhiên khi lượng hình, cần xem xét đến nhân thân, những tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo để có mức hình phạt phù hợp. Bị cáo có nhân thân xấu: Ngày 15/12/2018, Công an huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000 đồng về hành vi "Trộm cắp tài sản". Ngày 10/3/2021, Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 18 tháng. Bị cáo đã bị Tòa án nhân dân thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh kết án 14 (mười bốn) tháng tù, chấp hành xong hình phạt tù ngày 22/01/2020, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội về tội phạm rất nghiêm trọng nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Tái phạm" theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên

được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] *Về trách nhiệm dân sự*: Đại diện hợp pháp của bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường chi phí mai táng số tiền 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng khi bản án có hiệu lực pháp luật, bị cáo đồng ý bồi thường nên Hội đồng xét xử ghi nhận và buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho những người thân thích thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bị hại số tiền 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng, thi hành khi bản án có hiệu lực pháp luật, theo quy định tại Điều 590, Điều 591, khoản 2, 3 Điều 601 của Bộ luật Dân sự.

[6] Đối với yêu cầu của ông D phát sinh tại phiên tòa yêu cầu bị cáo bồi thường tổn thất về tinh thần và cấp dưỡng cho 02 con của bị hại với số tiền là 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng, nhưng chưa chứng minh được. Ông D cũng xác định khi nào chứng minh được sẽ khởi kiện bằng vụ án khác theo thủ tục tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

[7] Vật chứng đã được Cơ quan điều tra xử lý xong, Hội đồng xét xử không xem xét lại.

[8] Bị cáo N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự trong vụ án hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[9] Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 260, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố bị cáo Doãn Văn N phạm tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ"

Xử phạt bị cáo Doãn Văn N 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 07/5/2021.

2. Áp dụng Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 590, Điều 591, khoản 2, 3 Điều 601 của Bộ luật Dân sự;

Buộc bị cáo N có trách nhiệm bồi thường cho người thân thích thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà M (do ông D đại diện) số tiền 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng, thi hành khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án số tiền nêu trên cho đến khi thi hành án xong, bị cáo N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo N phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 7.500.000 (bảy triệu năm trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Áp dụng Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Bị cáo, người tham gia tố tụng được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Bị cáo (01);
- Người tham gia tố tụng (02);
- VKSND huyện Củ Chi (02);
- Công an huyện Củ Chi (02);
- Chi cục THADS huyện Củ Chi (01);
- TAND TP. Hồ Chí Minh (01);
- Bộ phận THA hình sự (05);
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án (02).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Sơn Hà